

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**BẢNG KẾT QUẢ****Trường: THCS TÂN QUÝ TÂY****Loại hình: Tuyển sinh 10**

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	149152	1	TRẦN THU AN	08/07/2004	Nữ	9/1	7	3.75	4	0	25.75
2	149167	1	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG ANH	04/09/2004	Nữ	9/1	7.5	6.75	7	0	35.75
3	149217	4	TRẦN TẤN ĐẠT	22/01/2004	Nam	9/1	6.75	3.75	2.75	0	22.75
4	149223	4	NGUYỄN TRANG NGỌC DIỄM	27/10/2004	Nữ	9/1	7.5	3.75	3	0	24.75
5	149284	6	LẠI TRUNG HẬU	28/12/2004	Nam	9/1	6	3	3.75	0	22.5
6	149293	7	HÔNG QUỐC HOÀNG	09/07/2004	Nam	9/1	7	1.5	3.75	0	23
7	149310	7	PHAN NHẬT HÙNG	22/11/2004	Nam	9/1	6.25	3.5	4.75	0	25.5
8	149313	8	LÊ HUỲNH HƯƠNG	07/10/2004	Nữ	9/1	7.75	6	4.75	0	31
9	149346	9	HỒ KIM KHÁNH	15/12/2004	Nữ	9/1	6.75	2.5	4	0	24
10	149369	10	TRƯƠNG HUỲNH TUẤN KIẾT	25/05/2004	Nam	9/1	5.5	1.5	2.5	0	17.5
11	149397	11	NGUYỄN NGỌC LOAN	11/03/2004	Nữ	9/1	7.75	2.5	5.75	0	29.5
12	149442	13	VÕ HOÀNG NAM	16/12/2004	Nam	9/1	6.25	4	5	0	26.5
13	149466	14	LÊ PHÚ NGHĨA	14/06/2004	Nam	9/1	6.75	4.5	4.25	0	26.5
14	149477	14	LƯU THỊ BẢO NGỌC	01/02/2004	Nữ	9/1	7.75	4.5	6	0	32
15	149507	16	LÊ NGỌC YẾN NHI	22/04/2004	Nữ	9/1	7.25	3.25	4.5	0	26.75
16	149514	16	NGUYỄN THỊ BÍCH NHI	26/03/2004	Nữ	9/1	7.5	3.25	5	0	28.25
17	149526	16	HỒ THỊ HUỲNH NHƯ	19/10/2004	Nữ	9/1	7	5.5	9.5	0	38.5
18	149549	17	ĐOÀN HỒNG PHÁT	30/03/2004	Nam	9/1	6.75	1.75	4.5	0	24.25
19	149611	20	BÙI THỊ NHƯ QUỲNH	07/01/2004	Nữ	9/1	7.5	2.25	2.75	0	22.75
20	149677	23	LẠI MINH THÔNG	20/06/2004	Nam	9/1	7.25	2.25	4.25	0	25.25
21	149727	25	NGUYỄN BẢO TOÀN	31/12/2004	Nam	9/1	5.75	2.75	4.25	0	22.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN QUÝ TÂY

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	149733	25	ĐOÀN HOÀNG HUYỀN TRÂM	26/03/2004	Nữ	9/1	7.75	3.75	2.5	0	24.25
23	149747	26	VĂN NGỌC BẢO TRÂN	26/08/2004	Nữ	9/1	8.25	4	7.75	0	36
24	149789	27	TRẦN HỮU TRUNG	29/02/2004	Nam	9/1	6.75	3	2.75	0	22
25	149801	28	HUỖNH THỊ KIM TUYỀN	15/03/2004	Nữ	9/1	7.75	1.25	4.5	0	25.75
26	149827	29	LƯƠNG HỒNG VƯƠNG	27/05/2004	Nam	9/1	6.75	3.25	6.75	0	30.25
27	149843	30	NGUYỄN TĂNG DIỄM VY	22/12/2004	Nữ	9/1	8.25	6.5	5.25	0	33.5
28	149848	30	TRẦN ÁI VY	06/09/2004	Nữ	9/1	8.75	7.25	7.5	0	39.75
Tổng cộng có tất cả: 28 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN QUÝ TÂY

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	149147	1	ĐOÀN HỒ TRƯỜNG AN	22/02/2004	Nam	9/2	7.25	3.25	5.5	0	28.75
2	149151	1	PHẠM THỊ THÚY AN	22/02/2004	Nữ	9/2	7.5	5.25	3.5	0	27.25
3	149187	2	VĂN THÁI BÌNH	25/08/2004	Nam	9/2	7.75	1.75	4.25	1	26.75
4	149190	2	LÊ THIÊN CHÁNH	16/09/2004	Nam	9/2	5.5	1.75	2.75	0	18.25
5	149196	3	NGUYỄN NGỌC MINH CHÂU	15/09/2004	Nữ	9/2	7.5	2.5	3.75	0	25
6	149232	4	TRẦN THỤY NGỌC DUNG	28/04/2004	Nữ	9/2	6.75	4.75	6.25	0	30.75
7	149350	9	TRẦN GIA KHÁNH	28/10/2004	Nam	9/2	7.5	2.5	4.75	0	27
8	149395	11	DƯƠNG THỊ KIM LOAN	25/10/2004	Nữ	9/2	6.5	4.25	4.75	0	26.75
9	149400	11	HỒ LÊ BẢO LONG	20/08/2004	Nam	9/2	6.5	2.25	2.5	0	20.25
10	149405	11	VÕ HOÀNG LONG	16/06/2004	Nam	9/2	7	4	4.5	0	27
11	149409	12	DƯƠNG VÕ CÔNG LUẬN	14/06/2004	Nam	9/2	6.75	2.25	2.75	0	21.25
12	149411	12	NGUYỄN THỊ CẨM LY	16/01/2004	Nữ	9/2	7.25	1.75	6.25	0	28.75
13	149430	12	NGUYỄN PHAN DIỄM MY	04/09/2004	Nữ	9/2	7.25	1.5	3.25	0	22.5
14	149432	12	TRƯƠNG ÁI MY	26/12/2004	Nữ	9/2	7.75	3.5	6.25	0	31.5
15	149439	13	NGUYỄN CÔNG NAM	10/12/2004	Nam	9/2	6.5	4	3.25	0	23.5
16	149458	14	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	10/04/2004	Nữ	9/2	6.25	3.25	2.5	0	20.75
17	149465	14	HUỲNH THIÊN NGHI	17/01/2004	Nữ	9/2	6.5	2.25	4	0	23.25
18	149485	15	HỒ TRẦN ÁNH NGUYỆT	05/09/2004	Nữ	9/2	8	3.5	4.75	0	29
19	149519	16	TRẦN NGỌC YẾN NHI	06/09/2004	Nữ	9/2	6.25	4.5	4	0	25
20	149523	16	VÕ NGỌC NHI	15/06/2004	Nữ	9/2	7	2.5	4	0	24.5
21	149590	19	LÊ VÕ MINH QUÂN	07/07/2004	Nam	9/2	8	4.25	7.75	0	35.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN QUÝ TÂY

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	149607	20	NGUYỄN THỊ KIM QUYÊN	22/11/2003	Nữ	9/2	8.25	4	3.25	0	27
23	149654	22	LÊ VÕ THANH THẢO	03/09/2004	Nữ	9/2	8	3.75	5.75	0	31.25
24	149704	24	ĐOÀN AN MINH THÙY	25/07/2004	Nữ	9/2	7.5	2	3.5	0	24
25	149717	24	LẠI MINH TIẾN	20/05/2004	Nam	9/2	7.5	4	6.5	0	32
26	149767	26	LÊ PHƯƠNG TRINH	22/03/2004	Nữ	9/2	7	2	5	0	26
Tổng cộng có tất cả: 26 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN QUÝ TÂY

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	149186	2	NGUYỄN THANH BÌNH	20/08/2004	Nam	9/3	6	2.75	5	0	24.75
2	149222	4	NGUYỄN NGỌC KIỀU DIỄM	30/08/2004	Nữ	9/3	6	2	3.25	0	20.5
3	149234	4	CHẶC CHẶN CAO THÙY DƯƠNG	29/05/2004	Nữ	9/3	7.25	5	4	1	28.5
4	149283	6	LẠI PHÚC HẬU	02/11/2004	Nam	9/3	6	2.25	3.25	0	20.75
5	149306	7	HỒ PHÚ HÙNG	29/12/2004	Nam	9/3	8.25	2.5	5.5	0	30
6	149307	7	HUỲNH HIỆP HÙNG	09/02/2004	Nam	9/3	5.5	2.5	2	0	17.5
7	149356	9	NGUYỄN TẤN KHOA	19/09/2004	Nam	9/3	8	4	5.5	0	31
8	149363	10	NGUYỄN THỊ KIM KHUYÊN	06/08/2004	Nữ	9/3	7.25	4	5.25	0	29
9	149424	12	NGUYỄN THANH MINH	31/01/2004	Nam	9/3	6	1.25	3.75	0	20.75
10	149426	12	VŨ THANH THƯỜNG MINH	22/10/2004	Nam	9/3	6.25	2.25	4	0	22.75
11	149428	12	LÊ THỊ TRÚC MY	01/03/2004	Nữ	9/3	7	1.75	5.25	0	26.25
12	149459	14	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	16/05/2004	Nữ	9/3	6.25	2.25	4	0	22.75
13	149472	14	HỒ THỊ KIM NGỌC	03/01/2004	Nữ	9/3	8.25	1.75	2.75	0	23.75
14	149520	16	TRẦN PHƯƠNG NHI	07/04/2004	Nữ	9/3	7	3.25	4	0	25.25
15	149530	17	NGUYỄN HOÀNG QUỲNH NHƯ	07/10/2004	Nữ	9/3	6	1.75	1	0	15.75
16	149546	17	CAO THỊ KIM OANH	07/02/2004	Nữ	9/3	7	1.25	5.25	0	25.75
17	149552	17	LÊ NGUYỄN THÀNH PHÁT	05/06/2004	Nam	9/3	5.75	1.75	4	0	21.25
18	149558	18	PHAN TẤN PHÁT	15/01/2004	Nam	9/3	6.25	1.5	5	0	24
19	149615	20	TRẦN XUÂN QUỲNH	17/05/2004	Nữ	9/3	7.75	3	4	0	26.5
20	149625	21	PHAN TẤN TÀI	29/06/2003	Nam	9/3	6.25	2.5	3.5	1	23
21	149679	23	ĐẶNG HUỲNH NGÂN THU	18/07/2004	Nữ	9/3	7	2	5.75	0	27.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN QUÝ TÂY

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	149702	24	NGUYỄN THỊ THANH THUYẾT	13/05/2004	Nữ	9/3	6.75	2.5	2.75	0	21.5
23	149720	24	NGÔ THANH TIỀN	19/02/2004	Nam	9/3	6.75	5.75	7.75	0	34.75
24	149742	25	ĐOÀN THỊ BẢO TRÂN	10/11/2004	Nữ	9/3	7.5	3.25	2.5	0	23.25
25	149759	26	VÕ THUỶ TRANG	22/11/2004	Nữ	9/3	5.5	2	1.25	0	15.5
26	149768	26	THÁI THỊ DIỄM TRINH	10/09/2004	Nữ	9/3	7	4.5	5	0	28.5
Tổng cộng có tất cả: 26 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN QUÝ TÂY

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	149165	1	NGUYỄN NGỌC LAN ANH	12/10/2004	Nữ	9/4	7.5	3	3.75	0	25.5
2	149193	3	HUỖNH LẠI THỊ BẢO CHÂU	15/01/2004	Nữ	9/4	5.75	2	3.75	0	21
3	149240	4	NGUYỄN BẢO DUY	22/09/2004	Nam	9/4	7.25	3.5	6.5	0	31
4	149251	5	PHẠM THẢO DUYÊN	17/04/2004	Nữ	9/4	6.5	3	3	0	22
5	149287	6	LÊ NGỌC THUÝ HIỀN	21/03/2004	Nữ	9/4	7.5	2.5	4	0	25.5
6	149315	8	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG	25/03/2004	Nữ	9/4	8.25	2.75	4	0	27.25
7	149329	8	THÁI VŨ NHẬT HUY	08/12/2004	Nam	9/4	6	3	4	0	23
8	149331	8	NGUYỄN THỊ NHƯ HUYỀN	23/12/2004	Nữ	9/4	5	3.75	2.25	0	18.25
9	149388	11	NGUYỄN PHAN THÙY LINH	14/11/2004	Nữ	9/4	6.75	3.25	3	0	22.75
10	149408	11	TRẦN HUỖNH ĐỨC LUÂN	11/05/2004	Nam	9/4	7	5.25	5.5	0	30.25
11	149500	15	ĐÀN NGUYỄN HIỀN NHI	09/07/2004	Nữ	9/4	6.25	1.5	2	0	18
12	149513	16	NGUYỄN THỊ ÁI NHI	23/09/2004	Nữ	9/4	8	3.5	6.25	0	32
13	149531	17	NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ	22/11/2004	Nữ	9/4	6.25	4.5	7.5	0	32
14	149618	20	HỒ KIM SEN	03/05/2004	Nữ	9/4	7.25	3.75	6	0	30.25
15	149633	21	NGUYỄN MINH TÂN	17/09/2004	Nam	9/4	6.5	2	0.5	0	16
16	149638	21	ĐÔNG THỊ HỒNG THẨM	18/06/2004	Nữ	9/4	7.5	5	4.75	0	29.5
17	149642	21	HUỖNH QUỐC THẮNG	19/10/2004	Nam	9/4	5.75	3	2.5	0	19.5
18	149658	22	NGUYỄN THANH THẢO	22/05/2004	Nữ	9/4	6.75	3.75	3.25	0	23.75
19	149682	23	DIỆP HUỖNH ANH THU	14/05/2004	Nữ	9/4	7.75	3	3.5	1	26.5
20	149719	24	VÕ TRỌNG TIỀN	01/02/2004	Nam	9/4	5.75	2.75	2.75	0	19.75
21	149763	26	MAI MINH TRÍ	27/06/2004	Nam	9/4	6.25	2.75	3.75	0	22.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN QUÝ TÂY

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	149771	27	TRƯƠNG THỊ NGỌC TRINH	07/01/2004	Nữ	9/4	7	4.5	3.75	0	26
23	149772	27	VÕ MỸ TRINH	25/09/2004	Nữ	9/4	7.25	2.5	5.5	0	28
24	149780	27	LƯU THANH NHÃ TRÚC	08/01/2004	Nữ	9/4	8.25	4	5.75	0	32
25	149820	29	NGUYỄN QUỐC VIỆT	26/12/2004	Nam	9/4	7	6.25	4.75	0	29.75
Tổng cộng có tất cả: 25 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN QUÝ TÂY

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	149164	1	NGUYỄN MINH ANH	09/04/2004	Nữ	9/5	6.25	1.25	2.75	0	19.25
2	149246	5	TRƯƠNG THANH DUY	17/06/2004	Nam	9/5	6.5	3.25	6.5	0	29.25
3	149282	6	TRANG SĨ ANH HÀO	30/11/2004	Nam	9/5	6.5	1.75	3.75	0	22.25
4	149305	7	ĐẶNG VĨNH HÙNG	29/02/2004	Nam	9/5	6.25	2.75	4	0	23.25
5	149323	8	ĐOÀN NHỰT HUY	14/04/2004	Nam	9/5	6.75	3.25	2.75	0	22.25
6	149333	8	ĐINH CÔNG KHẢI	14/10/2004	Nam	9/5	5.75	4.5	7.75	0	31.5
7	149349	9	PHẠM ĐÌNH KHÁNH	18/08/2004	Nam	9/5	8	2.5	4.5	0	27.5
8	149352	9	ĐINH TRẦN ANH KHOA	07/05/2004	Nam	9/5	6.5	3	2.25	0	20.5
9	149379	10	NGUYỄN HOÀNG LÂM	12/03/2004	Nam	9/5	7.25	5.25	5.25	0	30.25
10	149416	12	ĐOÀN MINH MÃN	21/12/2004	Nam	9/5	6.25	1.75	4.5	0	23.25
11	149443	13	VÕ LĨNH NAM	20/04/2004	Nam	9/5	7.75	7	7.5	0	37.5
12	149480	14	NGUYỄN TRẦN THANH NHƯ NGỌC	14/10/2004	Nữ	9/5	6.5	4.5	3.75	0	25
13	149489	15	NGUYỄN TRANG NHÃ	28/08/2004	Nữ	9/5	6	2.25	2.5	0	19.25
14	149518	16	TRẦN ÁI NHI	27/02/2004	Nữ	9/5	6.25	2.75	2.75	0	20.75
15	149551	17	LÊ ĐỨC PHÁT	03/04/2004	Nam	9/5	5	1.5	2	0	15.5
16	149574	18	PHẠM HOÀNG GIA PHÚC	22/10/2004	Nữ	9/5	7.75	2.75	3.75	0	25.75
17	149578	19	TRANG MỸ PHỤNG	24/04/2004	Nữ	9/5	7.5	3.75	4	0	26.75
18	149583	19	NGUYỄN THỊ ÁNH PHƯƠNG	09/01/2004	Nữ	9/5	7	3.5	4.25	0	26
19	149587	19	NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯỢNG	08/09/2004	Nữ	9/5	6.25	4.25	5	0	26.75
20	149588	19	TRƯƠNG MINH QUAN	24/09/2004	Nam	9/5	6.25	3	3.25	0	22
21	149629	21	NGUYỄN THỊ MINH TÂM	14/08/2004	Nữ	9/5	6.5	5	4.5	0	27

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN QUÝ TÂY

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	149678	23	NGUYỄN PHẠM HOÀNG THÔNG	15/09/2004	Nam	9/5	6.5	2.75	3	0	21.75
23	149722	25	NGUYỄN NGÔ TRỌNG TÍN	26/10/2004	Nam	9/5	6.25	2.75	3.75	0	22.75
24	149731	25	TRẦN THỊ THANH TRÀ	06/12/2004	Nữ	9/5	6.5	6.5	5.75	0	31
25	149779	27	HUỲNH THỤY DƯƠNG TRÚC	27/04/2004	Nữ	9/5	7.75	8	2.5	0	28.5
26	149783	27	NGUYỄN THỊ THU TRÚC	11/07/2004	Nữ	9/5	7	2.75	7.5	0	31.75
27	149785	27	TRẦN HỒ THANH TRÚC	25/08/2004	Nữ	9/5	6.75	3.5	4.75	0	26.5
28	149803	28	TRẦN THỊ THANH TUYỀN	22/07/2004	Nữ	9/5	7.75	2.5	5.75	0	29.5
29	149829	29	CAO TRẦN THẢO VY	19/01/2004	Nữ	9/5	7	5	6	0	31
30	149840	29	NGUYỄN KHẢ VY	22/11/2004	Nữ	9/5	7	3.75	5.25	0	28.25
31	149856	30	PHAN NGỌC NHƯ Ý	29/01/2004	Nữ	9/5	6	5	7.25	0	31.5
32	149859	30	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG YẾN	23/04/2004	Nữ	9/5	5.5	1.25	1.75	0	15.75
Tổng cộng có tất cả: 32 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN QUÝ TÂY

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	149170	2	PHẠM LÊ VÂN ANH	09/04/2004	Nữ	9/6	7.5	7.25	5.5	0	33.25
2	149198	3	CAO THANH CHI	22/10/2004	Nữ	9/6	8	4	5.5	1	32
3	149216	3	TRẦN NGUYỄN THANH ĐẠT	28/10/2004	Nam	9/6	6	4.25	4.5	0	25.25
4	149225	4	CAO NGỌC DIỆU	06/09/2004	Nữ	9/6	6.5	3.25	3.75	0	23.75
5	149277	6	PHAN THỊ THANH HẰNG	25/12/2004	Nữ	9/6	7	3.75	4	0	25.75
6	149319	8	PHAN NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	03/08/2004	Nữ	9/6	7.75	4	1.75	0	23
7	149321	8	CAO CÔNG HUY	17/12/2004	Nam	9/6	7.75	4.25	7.5	0	34.75
8	149326	8	LÊ GIA HUY	03/01/2004	Nam	9/6	7.25	4	6.75	0	32
9	149367	10	NGUYỄN TUẤN KIẾT	22/01/2004	Nam	9/6	7	2.25	3	0	22.25
10	149394	11	TRƯƠNG HOÀNG DUY LINH	26/07/2004	Nam	9/6	3.75	1.25	1.5	0	11.75
11	149436	13	TRẦN THỰC MỸ	05/10/2004	Nữ	9/6	8	3.5	3.75	1	28
12	149441	13	TRẦN HOÀI NAM	24/08/2004	Nam	9/6	6.75	2.25	4	0	23.75
13	149449	13	ĐÀO THỊ THÙY NGÂN	26/08/2004	Nữ	9/6	6.75	2.75	2.75	0	21.75
14	149475	14	HUỲNH TRẦN BẢO NGỌC	04/03/2004	Nữ	9/6	7.5	3.75	4.5	0	27.75
15	149483	15	NGUYỄN KHÁNH NGUYỄN	23/04/2004	Nam	9/6	8	6.25	5	0	32.25
16	149501	15	DANH NGỌC LAN NHI	05/08/2004	Nữ	9/6	6.5	2.5	5.5	0	26.5
17	149527	16	LÂM DỨC NHƯ	07/09/2004	Nữ	9/6	7.25	4.25	6.75	1	33.25
18	149547	17	LÊ THỊ KIM OANH	11/06/2004	Nữ	9/6	8.25	3.75	5	0	30.25
19	149559	18	PHAN TẤN PHÁT	12/07/2004	Nam	9/6	6.25	4.5	4.5	0	26
20	149579	19	CAO NHÃ PHƯƠNG	12/08/2004	Nữ	9/6	6.75	4.25	3.75	0	25.25
21	149612	20	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	14/10/2004	Nữ	9/6	7	2	3.25	0	22.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN QUÝ TÂY

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	149626	21	TRẦN PHÁT TÀI	01/07/2004	Nam	9/6	6.5	4.5	6.25	0	30
23	149643	21	NGUYỄN HỮU THẮNG	05/08/2004	Nam	9/6	3.25	3.25	2.5	0	14.75
24	149687	23	NGUYỄN ANH THU	28/02/2004	Nữ	9/6	7.5	1.5	3.25	0	23
25	149721	25	NGUYỄN HỒNG TÍN	09/07/2004	Nam	9/6	5.5	3.5	4	0	22.5
26	149749	26	CAO THỊ THÙY TRANG	16/01/2004	Nữ	9/6	8.25	2.75	4.75	0	28.75
27	149752	26	HUỖNH THỊ KIM TRANG	25/11/2004	Nữ	9/6	6	4	4	0	24
28	149834	29	LÊ NGỌC LAN VY	02/08/2004	Nữ	9/6	7.75	2.5	3.75	0	25.5
Tổng cộng có tất cả: 28 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN QUÝ TÂY

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	149160	1	LÊ THỊ QUỲNH ANH	21/01/2004	Nữ	9/7	5.75	2.75	5.25	0	24.75
2	149195	3	NGUYỄN HỒNG CHÂU	15/10/2004	Nữ	9/7	5.25	2.25	3	0	18.75
3	149237	4	ĐOÀN QUỐC DUY	16/03/2004	Nam	9/7	5.5	2.5	3.75	0	21
4	149290	7	VÕ TRẦN NGỌC HIẾU	14/10/2004	Nữ	9/7	6	2.5	2.25	0	19
5	149297	7	PHAN MINH HOÀNG	20/10/2004	Nam	9/7	7.25	2.75	4	0	25.25
6	149312	7	ĐINH THỊ CẨM HƯƠNG	13/02/2004	Nữ	9/7	7.5	2.5	4.25	0	26
7	149347	9	HỒ PHÚ KHÁNH	26/04/2004	Nam	9/7	4.5	2.5	3.5	0	18.5
8	149366	10	NGUYỄN LÊ ANH KIẾT	28/05/2004	Nam	9/7	6.75	2.25	3.5	0	22.75
9	149387	11	LÝ NGỌC LINH	02/01/2004	Nữ	9/7	7.5	4.5	3.5	0	26.5
10	149419	12	CAO NGUYỄN ANH MẠNH	28/05/2004	Nam	9/7	4.75	1.25	3.5	0	17.75
11	149427	12	TRẦN THỊ MỘNG MƠ	26/01/2004	Nữ	9/7	6	3.5	4.25	0	24
12	149438	13	LÊ HẢI NAM	08/11/2004	Nam	9/7	7.25	7	7.5	0	36.5
13	149511	16	NGUYỄN NGỌC BẢO NHI	08/10/2004	Nữ	9/7	8.25	4.5	6	0	33
14	149534	17	NGUYỄN TRẦN QUỲNH NHƯ	09/11/2004	Nữ	9/7	6.5	2.25	6.5	0	28.25
15	149550	17	LẠI TẤN PHÁT	05/10/2004	Nam	9/7	4.75	4	2.25	0	18
16	149557	18	NGUYỄN TẤN PHÁT	21/04/2004	Nam	9/7	6.5	2.25	4.75	0	24.75
17	149637	21	TRẦN QUỐC THÁI	01/06/2004	Nam	9/7	5.5	4	4.25	0	23.5
18	149659	22	NGUYỄN THANH THẢO	20/09/2004	Nữ	9/7	7.5	4.5	4.5	0	28.5
19	149664	22	TRƯƠNG NGỌC NHÃ THI	11/08/2004	Nữ	9/7	7	4	3.25	0	24.5
20	149674	23	NGUYỄN VĂN THOẠI	28/02/2004	Nam	9/7	7	2.25	3.25	0	22.75
21	149681	23	CAO THỊ MINH THU	22/12/2004	Nữ	9/7	7.25	4	4.5	0	27.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN QUÝ TÂY

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	149705	24	LÊ ĐOÀN KIM THỦY	01/04/2004	Nữ	9/7	6.25	2.5	4	0	23
23	149725	25	PHAN THÀNH TÍNH	20/07/2004	Nam	9/7	6.25	5.5	3.25	0	24.5
24	149741	25	BÙI HUYỀN TRÂN	18/01/2004	Nữ	9/7	5.5	5	3	0	22
25	149781	27	NGÔ THANH TRÚC	01/08/2004	Nữ	9/7	7.5	5.5	6	0	32.5
26	149826	29	LÊ NGUYỄN TRƯỜNG VŨ	06/06/2004	Nam	9/7	5.75	2.75	5.25	0	24.75
27	149853	30	NGUYỄN KỶ VỸ	30/04/2004	Nam	9/7	7	1.25	5.5	0	26.25
Tổng cộng có tất cả: 27 học sinh.											

